

Số: 32/CBTT-SDG.2026

Cần Thơ, ngày 29 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất sáu tháng đầu năm 2026 như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

- Mã chứng khoán: SDG

- Địa chỉ: 366E CMT8, P. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

- Điện thoại liên hệ: 0292 3884919 - E-mail: sdccantho@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính sáu tháng đầu năm 2026

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/08/2026 tại đường dẫn website: www.sadico.com.vn.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2026: không
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính Hợp nhất sáu tháng đầu năm 2026.

Văn bản giải trình.

Bảng dữ liệu Kết quả kinh doanh so sánh với cùng kỳ.

Nơi nhận :

- Như trên;
- TT HCNS, TTTC;
- Website Công ty.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
CHỦ TỊCH HĐQT



Mai Công Toàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SADICO CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/CBTT-SDG.2026

Cần Thơ, ngày 29 tháng 08 năm 2026

*V/v giải trình BCTC HN
sáu tháng đầu năm 2026*

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất sáu tháng đầu năm 2026 như sau:

Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Báo cáo tài chính Hợp nhất sáu tháng đầu năm 2026 của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ.

- Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất sáu tháng đầu năm 2026, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có lợi, có thay đổi **trên 10%** so với báo cáo cùng kỳ năm trước (Chi tiết tại bảng 1) và thay đổi trên 5% so với báo cáo sau kiểm toán (Chi tiết tại bảng 2).

* Giải trình nguyên nhân: Công ty đã cố gắng tăng cường công tác bán hàng, doanh thu của sáu tháng đầu năm 2026 tăng so với cùng kỳ 2025. Kết quả là lợi nhuận sau thuế tại kỳ báo cáo tăng so với cùng kỳ năm 2025.

* Giải trình nguyên nhân thay đổi trên 5%: trong kỳ phát hiện sai sót nên trình bày lại chỉ tiêu các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí tài chính, dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán trên 5%.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên;
- TT HCNS, TTTC;
- Website Công ty.

CHỦ TỊCH HĐQT



Mai Công Toàn

**1. BẢNG DỮ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH
SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ**

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6T		SO SÁNH	
			Năm nay	Năm trước	Giá trị	Tỷ lệ kỳ này/ kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	620.131.968.242	563.788.370.298	56.343.597.944	10%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	42.396.276.621	14.062.077.067	28.334.199.554	201%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		577.735.691.621	549.726.293.231	28.009.398.390	5%
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	532.645.811.969	507.717.338.275	24.928.473.694	5%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.089.879.652	42.008.954.956	3.080.924.696	7%
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	2.964.183.807	4.117.739.139	(1.153.555.332)	-28%
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	8.347.788.567	6.834.838.240	1.512.950.327	22%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	24		<i>8.224.333.355</i>	<i>6.773.309.240</i>	<i>1.451.024.115</i>	21%
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	9.305.080.896	12.253.457.472		
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	23.640.764.168	20.827.529.372	2.813.234.796	14%
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-	-	
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.760.429.828	6.210.869.011		
13. Thu nhập khác	31	VI.8	3.240.302	936.720.950		
14. Chi phí khác	32	VI.9	7.008.591	3.498.804		
15. Lợi nhuận khác	40		(3.768.289)	933.222.146		
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.756.661.539	7.144.091.157		
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		36.405.716	23.624.673		
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(1.227.857.348)	3.698.449		
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.948.113.171	7.116.768.035	831.345.136	12%
19.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.882.529.636	4.698.187.785		
19.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.065.583.535	2.418.580.250		
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.11	482	376		

2. BẢNG DỮ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6T 2026		SO SÁNH	
			Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Giá trị	Tỷ lệ sau kiểm toán/ trước kiểm toán
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	620.131.968.242	620.189.100.589	(57.132.347)	0%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	42.396.276.621	33.445.933.565	8.950.343.056	27%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		577.735.691.621	586.743.167.024	(9.007.475.403)	-2%
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	532.645.811.969	531.163.308.511	1.482.503.458	0%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.089.879.652	55.579.858.513	(10.489.978.861)	-19%
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21					
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	2.964.183.807	2.965.393.156	(1.209.349)	0%
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	8.347.788.567	8.041.391.355	306.397.212	4%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	24		8.224.333.355	7.918.333.355	306.000.000	4%
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	9.305.080.896	9.292.080.632	13.000.264	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	23.640.764.168	23.712.994.673	(72.230.505)	0%
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-	-	0%
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.760.429.828	17.498.785.009	(10.738.355.181)	
13. Thu nhập khác	31	VI.8	3.240.302	3.240.302	-	
14. Chi phí khác	32	VI.9	7.008.591	2.138.033	4.870.558	
15. Lợi nhuận khác	40		(3.768.289)	1.102.269	(4.870.558)	
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.756.661.539	17.499.887.278	(10.743.225.739)	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		36.405.716	36.405.716	-	
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(1.227.857.348)	(467.470.591)	(760.386.757)	
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.948.113.171	17.930.952.153	(9.982.838.982)	-56%
19.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.882.529.636	9.342.382.276	(4.459.852.640)	
19.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.065.583.535	8.588.569.877	(5.522.986.342)	
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.11	482	921	(439)	